

Số: ...09.../2017/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 23 tháng 3 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đợt 2 năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa IX, kỳ họp thứ 3 về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đợt 2 năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1082 /TTr-STNMT ngày 14 tháng 3 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng 66,5865 ha đất trồng lúa (gồm 31,2924 ha đất chuyên trồng lúa nước; 35,2941 ha đất trồng lúa nước còn lại) và 17,00 ha đất rừng phòng hộ để thực hiện 36 dự án đợt 2 năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.**

1. Đất trồng lúa: 66,5865 ha, với 35 dự án.

2. Đất rừng phòng hộ: 17,00 ha, với 01 dự án.

(Có Phụ lục kèm theo)

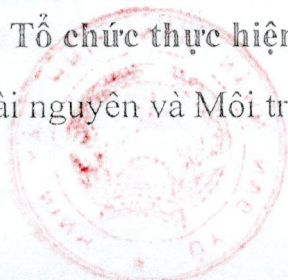
3. Trong quá trình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, nếu có sai số do đo đạc thì diện tích được điều chỉnh theo số liệu thực tế.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 04 năm 2017

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường



Tham mưu UBND tỉnh thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cho các tổ chức được chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo đúng quy định.

## 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức sản xuất lúa và chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, thực hiện các biện pháp chống thoái hóa đất nhằm duy trì diện tích đất trồng lúa nước có năng suất cao, đảm bảo an ninh lương thực;

b) Chú trọng công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng, phát triển lâm nghiệp, kiến tạo cảnh quan môi trường.

## 3. Sở Tài chính

Xác định và thu nộp khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi Nhà nước cho chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

## 4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân được chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo đúng quy định;

b) Tổ chức công bố, công khai Danh mục các dự án, công trình được chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện, thành phố ban hành kèm theo Quyết định này đến các tổ chức, đoàn thể địa phương và nhân dân trên địa bàn huyện, thành phố biết để thực hiện theo đúng quy định;

c) Thực hiện các nội dung về quản lý, sử dụng đất trồng lúa của địa phương theo quy định của pháp luật.

## Điều 4. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

### Nơi nhận

- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
K.T. CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

**Phụ lục**

(Kèm theo Quyết định số **09** /2017/QĐ-UBND ngày **23** tháng **3** năm 2017  
của UBND tỉnh Tây Ninh)

**Danh mục dự án được chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ  
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đợt 2 năm 2016**

| STT        | Tên dự án   | Mục đích sử dụng                           | Mã loại đất | Địa điểm              | Diện tích sử dụng (ha) |                   |                   |
|------------|---|--|-------------|-----------------------|------------------------|-------------------|-------------------|
|            |   |  |             |                       | Đất trồng lúa          | Đất rừng đặc dụng | Đất rừng phòng hộ |
| <b>I</b>   | <b>Huyện Châu Thành</b>   |  |             | <b>6</b>              | <b>9,8000</b>          |                   |                   |
| 1          | Dự án Đường Hương lộ 11B Liên xã Trí Bình - Hảo Đức   | Đất giao thông                             | DGT         | Trí Bình              | 1,2000                 |                   |                   |
| 2          | Đường ra biên giới thuộc xã Ninh Điền, huyện Châu Thành   | Đất giao thông                             | DGT         | Ninh Điền             | 2,7000                 |                   |                   |
| 3          | Đường huyện 12, xã Biên giới  | Đất giao thông                             | DGT         | Biên Giới             | 3,1500                 |                   |                   |
| 4          | Dự án khai thác khoáng sản đất san lấp (Công ty TNHH Hiệp Hòa Lợi)                              | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX         | Ninh Điền             | 1,0600                 |                   |                   |
| 5          | Dự án khai thác khoáng sản đất san lấp (Công ty TNHH Phước Hải Lộc)                             | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX         | An Bình               | 0,3000                 |                   |                   |
| 6          | Dự án thăm dò khoáng sản sét gạch ngói (Công ty TNHH Thiên Tâm)                                 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX         | Ninh Điền             | 1,3900                 |                   |                   |
| <b>II</b>  | <b>Huyện Hòa Thành</b>  |  |             | <b>1</b>              | <b>0,0900</b>          |                   |                   |
| 1          | Dự án đầu tư kho chứa hàng và bến xếp dỡ hàng hóa Hòa Thành (Công ty TNHH TM kỹ thuật Trí Việt) | Đất thương mại, dịch vụ                    | TMD         | Long Thành Nam        | 0,0900                 |                   |                   |
| <b>III</b> | <b>Huyện Trảng Bàng</b>   |  |             | <b>6</b>              | <b>22,5550</b>         |                   |                   |
| 1          | Trung tâm trưng bày và bảo hành, bảo trì ô tô của Công ty cổ phần ô tô Trường Hải               | Đất thương mại, dịch vụ                    | TMD         | An Tịnh               | 3,6500                 |                   |                   |
| 2          | Bến xe Trảng Bàng   | Đất giao thông                             | DGT         | Gia Lộc               | 3,0000                 |                   |                   |
| 3          | Đường 786 từ ngã tư Xuyên Á đi Long An  | Đất giao thông                             | DGT         | Phước Chỉ, Bình Thạnh | 5,4600                 |                   |                   |

| STT        | Tên dự án   | Mục đích sử dụng                   | Mã loại đất | Địa điểm  | Diện tích sử dụng (ha) |                   |                   |
|------------|---|------------------------------------|-------------|---|------------------------|-------------------|-------------------|
|            |   |                                    |             |   | Đất trồng lúa          | Đất rừng đặc dụng | Đất rừng phòng hộ |
| 4          | Đường dây 500kV Đức Hòa - Chơn Thành  | Đất công trình năng lượng          | DNL         | Phước Chi, An Hòa, Gia Bình, Gia Lộc, Lộc Hưng, Hưng Thuận, Đôn Thuận | 2,4200                 |                   |                   |
| 5          | Nhà trạm quản lý kênh chính Đức Hòa   | Đất thủy lợi                       | DTL         | Lộc Hưng  | 0,0250                 |                   |                   |
| 6          | Nhà máy nước Tráng Bàn giai đoạn I công suất 30.000m <sup>3</sup> /ngày                                   | Đất thủy lợi                       | DTL         | Lộc Hưng  | 8,0000                 |                   |                   |
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Tân Biên</b>   |                                    |             | <b>3</b>  | <b>0,1100</b>          |                   | <b>17,0000</b>    |
| 1          | Văn phòng ấp Thanh Hòa  | Đất sinh hoạt cộng đồng            | DSH         | Mỏ Công   | 0,0500                 |                   |                   |
| 2          | Nhà văn hóa ấp Xóm Tháp   | Đất sinh hoạt cộng đồng            | DSH         | Tân Phong   | 0,0600                 |                   |                   |
| 3          | Chuyển đổi 17 ha đất lâm nghiệp có rừng để tạo quỹ đất giải quyết cho đồng bào nghèo có đời sống khó khăn | Đất sản xuất nông nghiệp           | SXN         | Hòa Hiệp  |                        |                   | 17,0000           |
| <b>V</b>   | <b>Huyện Dương Minh Châu</b>  |                                    |             | <b>4</b>  | <b>5,2200</b>          |                   |                   |
| 1          | Lò gạch công nghệ Hoffman xã Truông Mít   | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC         | Truông Mít  | 0,9300                 |                   |                   |
| 2          | Chợ xã Phan   | Đất chợ                            | DCH         | Phan  | 0,6900                 |                   |                   |
| 3          | Đường dây 220 kV Bình Long - Tây Ninh   | Đất công trình năng lượng          | DNL         | Suối Đá, Phan, Bàu Năng   | 0,3000                 |                   |                   |
| 4          | Nhà ở xã hội Vạn Phát Hưng  | Đất ở tại nông thôn                | ONT         | Truông Mít  | 3,3000                 |                   |                   |
| <b>VI</b>  | <b>Huyện Tân Châu</b>   |                                    |             | <b>2</b>  | <b>5,8000</b>          |                   |                   |
| 1          | Mở rộng Đường ĐT 785 (từ ngã 3 Ka Tum đến Suối Nước Trong)  | Đất giao thông                     | DGT         | Tân Đông  | 5,0000                 |                   |                   |
| 2          | Mở rộng Đường ĐT 785 (từ Suối Nước Trong đến ngã 3 Vạc Sa)  | Đất giao thông                     | DGT         | Tân Hà  | 0,8000                 |                   |                   |
| <b>VII</b> | <b>Huyện Gò Dầu</b>   |                                    |             | <b>3</b>  | <b>12,4600</b>         |                   |                   |
| 1          | Khu đô thị Gò Dầu 1   | Đất ở tại đô thị                   | ODT         | Thị trấn  | 9,3000                 |                   |                   |
| 2          | Đê bao Cẩm Bình, xã Cẩm Giang   | Đất thủy lợi                       | DTL         | Cẩm Giang   | 2,0000                 |                   |                   |

| STT         | Tên dự án   | Mục đích sử dụng                       | Mã loại đất | Địa điểm  | Diện tích sử dụng (ha) |                   |                   |
|-------------|---|--|-------------|---|------------------------|-------------------|-------------------|
|             |   |  |             |   | Đất trồng lúa          | Đất rừng đặc dụng | Đất rừng phòng hộ |
| 3           | Nâng cấp, sỏi đỏ đường Hóc Đùn  | Đất giao thông                         | DGT         | Cầm Giang   | 1,1600                 |                   |                   |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện Bến Cầu</b>  |  |             | 9   | 8,7600                 |                   |                   |
| 1           | Trường mẫu giáo Lợi Thuận   | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD         | Lợi Thuận   | 0,3000                 |                   |                   |
| 2           | Trường tiểu học Lợi Thuận B   | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD         | Lợi Thuận   | 0,5000                 |                   |                   |
| 3           | Đường 786 từ ngã tư Xuyên Á đi Long An  | Đất giao thông                         | DGT         | Lợi Thuận   | 0,9900                 |                   |                   |
| 4           | Đường ra cửa khẩu biên mậu  | Đất giao thông                         | DGT         | Tiên Thuận,<br>Long Thuận,<br>Long Phước  | 3,7700                 |                   |                   |
| 5           | Điểm cảnh giới Long An  | Đất quốc phòng                         | CQP         | Long Thuận  | 0,0600                 |                   |                   |
| 6           | Xây dựng nhà làm việc BCH quân sự xã Long Giang                                     | Đất quốc phòng                         | CQP         | Long Giang  | 0,4500                 |                   |                   |
| 7           | Trường tiểu học Long Thuận A  | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD         | Long Thuận  | 0,0800                 |                   |                   |
| 8           | Đường từ xã Lợi Thuận đi cửa khẩu   | Đất giao thông                         | DGT         | Lợi Thuận,<br>Thị trấn  | 2,3100                 |                   |                   |
| 9           | Đường nối ĐT786 đi khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài                                     | Đất giao thông                         | DGT         | Thị trấn  | 0,3000                 |                   |                   |
| <b>IX</b>   | <b>Thành phố Tây Ninh</b>   |  |             | 1   | 0,5100                 |                   |                   |
| 1           | Trại chăn nuôi heo thịt theo mô hình trại lạnh khép kín (Nhà đầu tư Phạm Thắng Lợi) | Đất nông nghiệp khác                   | NKH         | Tân Bình  | 0,5100                 |                   |                   |
| <b>X</b>    | <b>Dự án liên huyện</b>   |  |             | 1   | 1,2815                 |                   |                   |
| 1           | Đường dây 220kV Trảng Bàng - Tây Ninh   | Đất công trình năng lượng              | DNL         | Trảng Bàng (Gia Lộc);<br>Gò Dầu (Phước Đông, Phước Thạnh, Bàu Đồn);<br>Dương Minh Châu (Truong Mít, Cầu Khởi, Chà Là, Phan, | 1,2815                 |                   |                   |

| STT | Tên dự án | Mục đích sử dụng | Mã loại đất | Địa điểm | Diện tích sử dụng (ha) |                   |                   |
|-----|-----------|------------------|-------------|----------|------------------------|-------------------|-------------------|
|     |           |                  |             |          | Đất trồng lúa          | Đất rừng đặc dụng | Đất rừng phòng hộ |
|     | Tổng cộng |                  |             | 36       | 66,5865                | 0,0000            | 17,0000           |